TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Bản án số: 57/2018/ST-HNGĐ
Ngày: 29/11 /2018
V/v ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - H phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quốc Tú
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Hương
2. Bà Nguyễn Kim Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kỷ là thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh
- Đại diện viện kiểm nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 392/2018/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị Mỹ H, sinh năm 1982
Địa chỉ: tổ 4, ấp Việt Tân, xã Lộc Quang, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước (có mặt)

Bị đơn: Ông Trần Văn D sinh năm 1982
Địa chỉ: tổ 4, ấp Chàng Hai, xã Lộc Quang, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước (vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 14/9/2018, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trịnh Thị Mỹ H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trịnh Thị Mỹ H tự nguyện chung sống với ông Trần Văn D vào năm 2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Quang huyện Lộc Ninh. Vợ chồng sống H phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, ông D thiếu trách nhiệm với vợ con, ham mê cờ bạc nên cuộc sống chung của vợ chồng không còn H phúc, vợ chồng đã ly thân từ tháng 5 năm 2018 . Nay nhận thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa nên bà H xin được ly hôn với ông D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Trần Bảo Ng, sinh ngày 15/3/2006. Khi ly hôn bà H xin được nuôi dưỡng con và không yêu cầu ông Nhật cấp dưỡng. Vợ chồng không nhận ai làm con nuôi và hiện bà H không có thai với ông D

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ: Không có.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Trần Văn D vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập đúng theo quy định của pháp luật nhưng ông D vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông D theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên Tòa:

+ Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như: Thẩm quyền thụ lý đúng quy định Điều 30, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Xác định đúng tư các người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Trình tự thụ lý, việc gửi, tống đạt và niêm yết các thủ tục tố tụng cho Viện kiểm sát đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196, 170 - 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 239, 240, 241, 242, 243, 246, 247, 249, 250, 251, 252, 253, 254, 255, 256, 257, 259, 260 và Điều 263 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như: thực hiện đúng và đầy đủ thành phần Hội đồng xét xử và các thủ tục của phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo cho đương sự được quyền trình bày ý kiến và tranh luận tại phiên tòa.

+ Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2015; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho bà Trịnh Thị Mỹ H được ly hôn với ông Trần văn D

Về con chung: Giao con chung Trần bảo Ng cho Trịnh Thị Mỹ H nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có.

Án phí: Bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Trịnh Thị Mỹ H có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh giải quyết ly hôn với ông Trần Văn D. Bà H và ông D sinh sống tại xã Lộc Quang, huyện Lộc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, được quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Bà H và ông D tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Quang, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, vì vậy hôn nhân của bà H và ông D là hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình vợ chồng chung sống theo trình bày của bà H thì ông D ham mê cơ bạc nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẩn. Vào ngày 07 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh đã tiến hành xác minh tại công an xã Lộc Quang thì được biết ông D thường xuyên đánh bạc và chơi đá gà nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, chửi bới nhau công an xã có vào nhà hòa giải nhiều lần. Nên có thể thấy tình trạng hôn nhân của ông D, bà Hiền đã trầm trọng, cuộc sống không còn H phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định cho bà H được ly hôn với ông D

[2.2] Về con chung: Do Tòa án không tiến hành làm việc được với ông D, tuy nhiên theo lời khai của bà H thì vợ chồng có 01 người con chung tên Trần Bảo Ng, sinh ngày 15/3/2006, hiện đang sống với bà H. Khi ly hôn bà H xin được nuôi dưỡng con. Hội đồng xét xử xét thấy theo lời khai của cháu Trần Bảo Ng thì cháu Ng xin được ở với mẹ, xét thấy giao cháu Ng cho mẹ cháu nuôi sẽ bảo đảm sự phát triển toàn diện cho cháu. Nên yêu cầu của bà H là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2015; Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị Mỹ H.

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị Mỹ H được ly hôn với ông Trần Văn D.

+ Về con chung: Giao con chung tên Trần Bảo Ng, sinh ngày 15/3/2006 cho bà Trịnh Thị Mỹ H nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2/ Về án phí: Buộc bà Trịnh Thị Mỹ H phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí bà H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0006190 ngày 03 tháng 10 năm 2018;

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định

Nơi nhận :
-TAND tỉnh Bình Phước
-VKS huyện Lộc Ninh
- Các đương sự.
- THA DS huyện Lộc Ninh
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Quốc Tú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**